

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4407/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ
khoa học và công nghệ cấp tỉnh đợt VII, năm 2017.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Công văn số 514/BKHCN-KHTH ngày 13/12/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn nội dung kế hoạch khoa học và công nghệ năm 2017 của các tỉnh, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 4763/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017;

Căn cứ Quyết định: số 3532/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh năm 2017;

Căn cứ Quyết định: số 1644/QĐ-UBND ngày 30/5/2014; số 2780/QĐ-UBND ngày 30/7/2015; số 3201/QĐ-UBND ngày 24/8/2015; số 3913/QĐ-UBND ngày 06/10/2015; số 4637/QĐ-UBND ngày 11/11/2015; số 4638/QĐ-UBND ngày 11/11/2015; số 1319/QĐ-UBND ngày 15/4/2016; số 1845/QĐ-UBND ngày 31/5/2016; số 2510/QĐ-UBND ngày 12/7/2016; số 3063/QĐ-UBND ngày 15/8/2016; số 3532/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 1094/TTr-SKHHCN ngày 20/10/2017 của Sở Khoa học và Công nghệ xin phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đợt VII, năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và cấp kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đợt VII, năm 2017, gồm: 23 nhiệm vụ

Trong đó:

- Cấp cho 03 nhiệm vụ đã nghiệm thu: 724.000.000 đồng
- Cấp cho 12 nhiệm vụ chuyển tiếp: 3.604.000.000 đồng
- Cấp cho 08 nhiệm vụ mới: 3.691.187.000 đồng

Với kinh phí sự nghiệp khoa học là: 8.019.187.000 đồng

(Tám tỷ, không trăm mười chín triệu, một trăm tám bảy nghìn đồng).

(Danh mục kèm theo).

Nguồn kinh phí: Sự nghiệp khoa học năm 2017 chưa phân bổ.

Điều 2. Căn cứ vào Quyết định này và danh mục các nhiệm vụ khoa học, công nghệ được duyệt:

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm các đề tài, dự án, ký kết các hợp đồng nghiên cứu; có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện, kiểm tra và thành lập hội đồng nghiệm thu, báo cáo kết quả về UBND tỉnh.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Cấp kinh phí trực tiếp cho các cơ quan chủ trì, chủ đề tài, dự án để triển khai thực hiện.

- Theo dõi việc sử dụng kinh phí và thanh, quyết toán kinh phí đã cấp cho các đơn vị.

3. Các cơ quan chủ trì và chủ nhiệm các đề tài, dự án chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung đề tài, dự án được duyệt, quản lý và sử dụng kinh phí đúng quy định, hiệu quả cao.

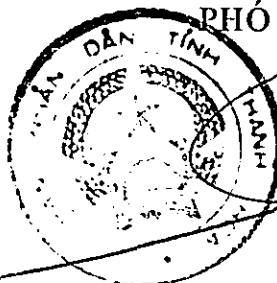
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc tỉnh, Chủ nhiệm các đề tài, dự án và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, PgNN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CẤP KINH PHÍ ĐỢT VII, NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 4107/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

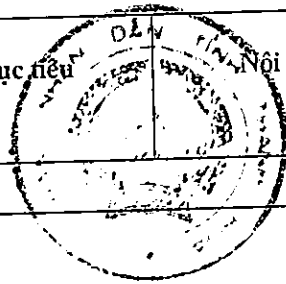
I. Nhiệm vụ đã nghiệm thu: 03

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)					Ghi chú
							Tổng KP được quyết toán	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi	
1	Dự án: Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể “Nước mắm Khúc Phụ” cho sản phẩm nước mắm huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	UBND huyện Hoằng Hóa	- Xác lập quyền Sở hữu trí tuệ đối với Nhãn hiệu tập thể Nước mắm Khúc Phụ. - Quản lý và khai thác có hiệu quả nhãn hiệu tập thể Nước mắm Khúc Phụ trên thực tế nhằm mở rộng sản xuất và thị trường tiêu thụ của nước mắm.	- Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tài liệu về sản phẩm và vùng sản xuất sản phẩm phục vụ triển khai dự án. - Tổ chức, tham quan học tập kinh nghiệm. - Đăng ký xác lập quyền NHTT “Nước mắm Khúc Phụ” cho sản phẩm nước mắm huyện Hoằng Hóa. - Xây dựng hệ thống công cụ để quản lý NHTT cho Nước mắm Khúc Phụ. - Xây dựng mô hình hệ thống tổ chức quản lý NHTT. - Xây dựng phương án khai thác và phát triển NHTT Nước mắm Khúc Phụ. - Triển khai thực hiện thí điểm một số nội dung quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu tập thể cho Nước mắm Khúc Phụ.	- Báo cáo kết quả điều tra hiện trạng sản xuất, kinh doanh; quy mô sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm. - Báo cáo kết quả tham quan học tập kinh nghiệm. - Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ. - Đã xây dựng được hệ thống công cụ để quản lý NHTT (Quy chế sử dụng; Quy trình cấp và sử dụng NHTT; Quy trình kiểm soát chất lượng, Quy trình kỹ thuật chế biến, đóng chai và bảo quản sản phẩm; Sổ tay; Logo, tem, nhãn bao bì sản phẩm) - Mô hình hệ thống tổ chức quản lý NHTT. - Khai thác, triển khai có hiệu quả quản lý NHTT.	5/2014 - 11/2015	849,11	539,44	411,44	128,0	Không	Biên bản quyết toán kinh phí dự án ngày 29/9/2017 giữa Sở Tài chính và tổ chức chủ trì

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)					Ghi chú
							Tổng KP được quyết toán	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi	
2	Dự án: Xây dựng mô hình kết nối thị trường tạo chuỗi bao tiêu thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Sở Công thương	- Xây dựng được mô hình kết nối thị trường tạo chuỗi bao tiêu thực phẩm an toàn đối với 03 nhóm thực phẩm: rau, củ, quả; thịt (thịt lợn, thịt bò) và thủy sản trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Mang lại lợi ích hòa hòa, tăng doanh thu và thu nhập cho các đơn vị, các hộ gia đình tham gia thực hiện dự án. - Nâng cao ý thức về sản xuất và sử dụng thực phẩm an toàn của các đơn vị sản xuất, cung ứng và người tiêu dùng. - Góp phần cung ứng thực phẩm an toàn đến người tiêu dùng đến người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Thanh hóa, đảm bảo sức khỏe cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.	- Khảo sát bổ sung, đánh giá thực trạng sản xuất, phân phối, tiêu dùng, xác định các cơ sở sản xuất kinh doanh đủ điều kiện kinh doanh thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh. - Triển khai thực hiện mô hình kết nối: - Đề xuất các giải pháp gắn kết giữa sản xuất và tiêu dùng, phát triển chuỗi bao tiêu thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh. - Nghiệm thu, tổng kết dự án	- Xây dựng các tiêu chí và lựa chọn nhà phân phối cho các sản phẩm nông sản, thực phẩm an toàn trong chuỗi. - Xây dựng được mô hình kết nối thị trường tạo chuỗi bao tiêu thực phẩm an toàn đối với 03 nhóm thực phẩm: rau, củ, quả; thịt (thịt lợn, thịt bò) và thủy sản trên địa bàn tỉnh. - Đã tổ chức: 01 lớp đào tạo kiến thức chung về an toàn thực phẩm, áp dụng các quy phạm sản xuất VietGap; 01 lớp tập huấn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng; 01 hội thảo giải pháp gắn kết giữa sản xuất và tiêu dùng, phát triển chuỗi bao tiêu thực phẩm; 01 hội thảo giới thiệu mô hình, xin ý kiến tham vấn hoàn thiện mô hình an toàn trên địa bàn tỉnh; 01 hội nghị tổng kết đánh giá kết quả và hiệu	11/2015 - 04/2017	711,14	711,14	555,14	156	Không	Biên bản kiểm tra quyết toán dự án ngày 13/10/2017 giữa Sở Tài chính và tổ chức chủ trì

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)					Ghi chú
							Tổng KP được quyết toán	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi	
					quả của mô hình. - Xây dựng, đề xuất các nhóm giải pháp gắn kết giữa sản xuất và tiêu thụ, phát triển chuỗi bao tiêu thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh.							
3	Dự án: Chế tạo “Ông phóng bùng nhùng lưới” để trang bị cho cảnh sát làm nhiệm vụ ngăn chặn đua xe trái phép, trấn áp tội phạm côn đồ, cướp giật, gây án trên đường phố.	Công an thành phố Thanh Hóa	Chế tạo thành công “Ông phóng bùng nhùng lưới” có chất lượng ổn định để trang bị cho lực lượng cảnh sát trấn áp các đối tượng cướp giật bằng xe máy và đua xe máy trái phép đáp ứng yêu cầu bảo vệ trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới	- Khảo sát đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu công nghệ chế tạo, quy mô sử dụng công cụ hỗ trợ trong và ngoài nước. - Xây dựng chỉ tiêu kỹ thuật của “Ông phóng bùng nhùng lưới”. - Tính toán nguyên lý của “Ông phóng bùng nhùng lưới”: xây dựng mô hình tính thuật phóng trong, thuật phóng ngoài. Tính toán kết cấu, động lực học, độ bền. Xây dựng tài liệu thiết kế ông phóng. - Xây dựng tài liệu công nghệ chế tạo các chi tiết, bộ phận của ông phóng. - Chế tạo và thử nghiệm sản phẩm sau khi chế tạo. - Huấn luyện, tổ chức dùng thử sản phẩm, lấy ý kiến của người sử dụng. - Hoàn thiện tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ.	-03 Bộ tài liệu thiết kế, công nghệ chế tạo ông phóng bùng nhùng lưới. -20 Ông phóng bùng nhùng lưới. -1000 Bộ sản phẩm đồng bộ (liều phóng, piston, lưới). - Báo cáo kết quả thực hiện dự án.	7/2014 – 3/2017	898,237	633,437	193,437	440	Không	Biên bản kiểm tra quyết toán dự án ngày 13/9/2017 giữa Sở Tài chính và tổ chức chủ trì.

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu	Nội dung	Kết quả	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)					Ghi chú
							Tổng KP được quyết toán	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi	
					Cộng					724		



II. Nhiệm vụ chuyển tiếp: 12

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
1.	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ và phần mềm thực tuyến phục vụ công tác quản lý nhà nước về thi đua khen thưởng tỉnh Thanh Hóa.	Ban Thi đua khen thưởng tỉnh Thanh Hóa	- Xây dựng được Hệ thống cơ sở dữ liệu về thi đua khen thưởng (TĐKT) tỉnh Thanh Hóa từ năm 2010 đến năm 2015. - Xây dựng được phần mềm trực tuyến triển khai đến các đơn vị cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước về TĐKT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	- Đánh giá thực trạng về công tác quản lý TĐKT tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2010 - 2015. - Xây dựng phần mềm quản lý và cập nhập cơ sở dữ liệu. - Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài. - Tổng kết đề tài	- Báo cáo thực trạng công tác quản lý TĐKT tỉnh giai đoạn 2010- 2015. - Bộ cơ sở dữ liệu đồng bộ về TĐKT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Phần mềm Quản lý trực tuyến về TĐKT tỉnh - Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm. - Báo cáo phương án sử dụng kết quả của đề tài. - Báo cáo tổng kết đề	- Đã lựa chọn đơn vị đặc trưng cho công tác quản lý TĐKT; tiến hành khảo sát, lựa chọn cách tiếp cận, phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu. - Xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng về công tác quản lý TĐKT tỉnh giai đoạn 2010 - 2015. - Phân tích thiết kế hệ thống; lựa chọn được công nghệ để xây dựng phần mềm. - Cơ bản xây dựng phần mềm quản lý	- Tiếp tục nhập CSDL còn lại về TĐKT từ 2010 - 2015 theo yêu cầu của hợp đồng ý kết vào phần mềm quản lý trực tuyến. - Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài. - Hoàn thiện Hồ sơ tổng kết, nghiệm thu dự án theo quy định	8/2016 - 01/2018	1.066,790	1.066,790	496,790	350	Không

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
					tài.	trực tuyến TĐKT tiến hành chạy thử, chỉnh sửa và đưa vào áp dụng. - Hoàn thành việc xây dựng tài liệu hướng dẫn, tập huấn sử dụng phần mềm để lưu trữ, cập nhật và khai thác trực tuyến cơ sở dữ liệu về TĐKT. - Tổ chức được 4 lớp tập huấn quản trị và sử dụng phần mềm cho Ban TĐKT tỉnh và đơn vị. - Nhập được 80% cơ sở dữ liệu TĐKT từ 2010 - 2015 vào phần mềm.							
2.	Đề tài: Nghiên cứu giải pháp công nghệ đồng bộ nâng cao tính bảo	Báo Thanh Hóa	- Đánh giá hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin, công tác bảo mật và an toàn thông tin của Báo Thanh Hóa. - Xây dựng	- Khảo sát, đánh giá thực trạng hệ thống thông tin của Báo Thanh Hóa. - Xây dựng công nghệ thông tin điện tử của Báo Thanh Hóa và cập nhật Cơ sở dữ liệu.	-Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá về thực trạng hệ thống thông tin của Báo Thanh Hóa. -Công thông	- Đã tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng hệ thống thông tin của Báo Thanh Hóa. - Phân tích, thiết kế, xây	- Hoàn thành việc xây dựng Bộ tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thông tin cho Công nghệ thông tin điện tử Báo Thanh Hóa.	9/2016 - 02/2018	841,050	822,20	392,20	260	Không

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
	mật và an toàn thông tin của Báo Thanh Hóa.		công thông tin điện tử (Portal) Báo Thanh Hóa bảo đảm các tính năng hỗ trợ tác nghiệp chuyên môn nhiệm vụ thông tin, phổ biến tuyên truyền đảm bảo tính bảo mật và an toàn thông tin; tích hợp và kế thừa cơ sở dữ liệu đã có. - Xây dựng bộ tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thông tin cho công thông tin điện tử Báo Thanh Hóa dựa trên TCVN ISO/IEC 27001:2009. - Đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, đội ngũ phóng viên của Báo Thanh Hóa khai thác và tác nghiệp thành thạo đảm bảo tính bảo mật và an toàn thông tin; đào	- Xây dựng bộ tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thông tin cho Công thông tin điện tử Báo Thanh Hóa trên cơ sở bộ tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 27001:2009. - Xây dựng tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng - Xây dựng phương án khai thác, sử dụng kết quả đề tài và Quy chế vận hành Công thông tin điện tử Báo Thanh Hóa - Tổng kết đề tài.	tin điện tử Báo Thanh Hóa. -Bộ tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thông tin cho Công thông tin điện tử Báo Thanh Hóa -Bộ tài liệu tập huấn đào tạo cán bộ quản trị và cán bộ khai thác sử dụng Công thông tin điện tử Báo Thanh Hóa. -Báo cáo phương án khai thác, sử dụng kết quả đề tài. -Báo cáo tổng kết đề tài.	dụng công thông tin điện tử Báo Thanh Hóa: gồm 4 phân hệ + Phân hệ Công TTĐT. + Phân hệ quản trị người dùng + Phân hệ Quản lý nhuận bút, + Phân hệ quản lý thông tin điều hành và văn bản đi đến của Báo Thanh Hóa - Hoàn thành kiểm thử Công thông tin điện tử Báo Thanh Hóa. - Hoàn thành chuyển đổi cơ sở dữ liệu hiện có sang Công thông tin điện tử mới. - Đang tiến hành cài đặt, vận hành thử nghiệm hệ thống và xây	- Tổ chức đào tạo tập huấn hướng dẫn sử dụng Công thông tin điện tử. - Xây dựng phương án khai thác, sử dụng kết quả đề tài và Quy chế vận hành Công thông tin điện tử Báo Thanh Hóa - Hoàn thiện hồ sơ tổng kết, nghiệm thu đề tài.						

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
			1. Tạo cán bộ quản trị hệ thống nhằm duy trì và phát triển trong quá trình sử dụng.			1. dụng Bộ tiêu chuẩn đảm bảo an toàn thông tin cho Công thông tin điện tử Báo Thanh Hóa.							
3.	Dự án: “Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sản xuất và chế biến nấm Linh chi tại Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển công nghệ sinh học Thanh Hóa”.	Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển công nghệ sinh học Thanh Hóa	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ sản xuất và chế biến nấm Linh chi tại Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển công nghệ sinh học Thanh Hóa	- Điều tra, khảo sát tình hình sản xuất nấm Linh chi; chế biến, tiêu thụ và nhu cầu sử dụng các sản phẩm nấm Linh chi trên địa bàn tỉnh. + Đầu tư mới máy móc thiết bị, nhà xưởng và cải tạo, nâng cấp nhà xưởng đã có để sản xuất và chế biến nấm Linh chi - Áp dụng TBKT mới vào trồng nấm Linh chi. + Tiếp nhận và làm chủ các công nghệ chuyển giao (Rượu, trà) - Xây dựng và công bố tiêu chuẩn chất lượng cho các sản phẩm của dự án (Rượu,	- Báo cáo điều tra, khảo sát tình hình sản xuất; chế biến, tiêu thụ và nhu cầu sử dụng các sản phẩm nấm Linh chi trên địa bàn tỉnh. - Các quy trình hoàn thiện: trồng nấm Linh chi, sản xuất rượu Linh chi, trà túi lọc Linh chi. - Xây dựng và công bố tiêu chuẩn chất lượng Rượu Linh chi, trà túi lọc Linh chi theo quy định. - Các sản phẩm chế biến: Chè túi lọc Linh chi, Rượu Linh chi	- Điều tra, khảo sát tình hình sản xuất nấm Linh chi; chế biến, tiêu thụ và nhu cầu sử dụng các sản phẩm nấm Linh chi trên địa bàn tỉnh. + Đầu tư mới máy móc thiết bị, nhà xưởng và cải tạo, nâng cấp nhà xưởng đã có để sản xuất và chế biến nấm Linh chi - Áp dụng TBKT mới vào trồng nấm Linh chi.	- Tiếp nhận và làm chủ các công nghệ chuyển giao (Rượu, trà) - Xây dựng và công bố tiêu chuẩn chất lượng cho các sản phẩm của dự án (Rượu, trà) - Quảng bá tiêu thụ sản phẩm	9/2016 - 9/2018	2.811,431	1.937,031	874,4	650	Không

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
				(trà) + Quảng bá tiêu thụ sản phẩm	+ Phương án nhân rộng kết quả								
4.	Đề tài: “Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa”	Viện Công nghệ vũ Trụ, Viện Hàn Lâm KH&CN Việt Nam	-Xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ trong GIS phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa. -Thiết lập WebGIS để quản lý, khai thác, tìm kiếm thông tin phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng tour du lịch ảo trên nền ảnh cầu 360° cho địa danh du lịch nổi tiếng (Sầm Sơn) của Thanh Hóa.	- Điều tra, khảo sát các thông tin (địa lý, tài nguyên, lịch sử, văn hóa, giao thông và các dịch vụ khác) phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS gồm dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính về du lịch để phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. - Xây dựng trang thông tin điện tử công nghệ WebGiS để phục vụ quảng bá, tra cứu, quản lý và cập nhật dữ liệu du lịch tỉnh Thanh Hóa -Xây dựng Tour du lịch ảo trên nền ảnh cầu 360° cho địa danh du lịch nổi tiếng (Sầm Sơn) của Thanh Hóa -Đào tạo và chuyển giao hệ	- Báo cáo kết quả điều tra các thông tin (địa lý, tài nguyên, lịch sử, văn hóa) phục vụ phát triển du lịch của tỉnh. - Bộ cơ sở dữ liệu GIS gồm dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính về du lịch để phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn toàn tỉnh. - Trang thông tin điện tử công nghệ WebGiS để phục vụ quảng bá, tra cứu, quản lý và cập nhật dữ liệu du lịch của tỉnh. - Tour du lịch ảo trên nền ảnh cầu 360° cho địa danh	- Điều tra, khảo sát các thông tin (địa lý, tài nguyên, lịch sử, văn hóa, giao thông và các dịch vụ khác) phục vụ phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS gồm dữ liệu không gian và dữ liệu thuộc tính về du lịch để phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn toàn tỉnh. - Đang thiết lập và xây dựng trang thông tin điện tử công nghệ WebGiS để phục vụ quảng bá, tra cứu, quản lý và cập nhật	-Tiếp tục xây dựng trang thông tin điện tử công nghệ WebGiS để phục vụ quảng bá, tra cứu, quản lý và cập nhật dữ liệu du lịch tỉnh Thanh Hóa	10/2016 - 4/ 2018.	741,031	723,031	323,031	250	Không

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
				thông cơ sở dữ liệu và công thông tin điện tử trên nền WebGIS phục vụ quảng bá, tra cứu, quản lý và cập nhật dữ liệu du lịch tỉnh Thanh Hóa	địa lý nổi tiếng (Sầm Sơn). - Tài liệu hướng dẫn cập nhật cơ sở dữ liệu và khai thác công thông tin điện tử trên nền WebGIS phục vụ quảng bá, tra cứu, quản lý và cập nhật dữ liệu du lịch tỉnh.	dữ liệu du lịch tỉnh Thanh Hóa	- Xây dựng báo cáo tổng kết đề tài						
5.	Đề tài: "Nghiên cứu xây dựng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt tại nguồn, khu du lịch Sầm Sơn, Thanh Hóa",	Trường Đại học Hồng Đức	Lựa chọn và xây dựng được mô hình ứng dụng công nghệ phù hợp để xử lý được nước thải sinh hoạt tại nguồn, khu du lịch Sầm Sơn, Thanh Hóa.	-Điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm nước thải sinh hoạt tại nguồn, khu du lịch Sầm Sơn. -Nghiên cứu lựa chọn công nghệ phù hợp để xử lý nước thải tại nguồn khu du lịch Sầm Sơn. -Triển khai xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ phù hợp để xử lý được nước thải sinh hoạt tại nguồn, khu du	- Báo cáo khảo sát, điều tra, đánh giá mức độ ô nhiễm nước thải sinh hoạt tại nguồn, khu du lịch Sầm Sơn. - Báo cáo lựa chọn công nghệ phù hợp để xử lý nước thải tại nguồn khu du lịch Sầm Sơn. - Mô hình ứng dụng công nghệ	-Điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm nước thải sinh hoạt tại nguồn, khu du lịch Sầm Sơn. -Nghiên cứu lựa chọn công nghệ phù hợp để xử lý nước thải tại nguồn khu du lịch Sầm Sơn. -Triển khai xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ phù hợp	-Tiếp tục vận hành thử nghiệm, phân tích đánh giá hiệu quả và hiệu chỉnh các thông số trong mô hình ứng dụng công nghệ phù hợp để xử lý được nước thải sinh hoạt tại nguồn - Đào tạo và hướng dẫn vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại nguồn.	11/2016 - 5/2018.	999,956	964,866	324,866	440	Không

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
				- hệ Sầm Sơn, Thanh Hóa - Tổ chức hội thảo khoa học - Vận hành thử nghiệm, phân tích đánh giá hiệu quả và hiệu chỉnh các thông số trong mô hình ứng dụng công nghệ phù hợp để xử lý được nước thải sinh hoạt tại nguồn - Đào tạo, hướng dẫn vận hành - Xây dựng phương án nhân rộng mô hình	- phù hợp để xử lý được nước thải sinh hoạt tại nguồn, khu du lịch Sầm Sơn, Thanh Hóa, với công suất 480 lít/giờ - Báo cáo đánh giá hiệu quả xử lý nước thải tại nguồn trên cơ sở ứng dụng công nghệ đã lựa chọn. - Phương án nhân rộng mô hình xử lý nước thải tại nguồn - Hồ sơ tổng kết đề tài.	- để xử lý nước thải sinh hoạt tại nguồn, khu du lịch Sầm Sơn - Tổ chức hội thảo khoa học “Giải pháp xử lý nước thải sinh hoạt cho thị xã Sầm Sơn, Thanh Hóa” - Đang thực hiện vận hành thử nghiệm, phân tích đánh giá hiệu quả và hiệu chỉnh các thông số trong mô hình ứng dụng công nghệ phù hợp để xử lý được nước thải sinh hoạt tại nguồn.	- Nghiên cứu phương án nhân rộng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh. - Xây dựng Hồ sơ tổng kết đề tài						
6.	Đề tài: “Ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật nội soi kết hợp với phẫu thuật mở điều trị	Bệnh viện Nhi Thanh Hóa	- Ứng dụng thành công kỹ thuật phẫu thuật nội soi kết hợp với phẫu thuật mở điều trị dị tật không hậu môn tại Bệnh viện Nhi Thanh Hóa.	- Ứng dụng kỹ thuật nội soi kết hợp phẫu thuật mở điều trị dị tật không hậu môn tại Bệnh viện Nhi. + Tập huấn kỹ thuật nội soi kết hợp phẫu thuật mở điều trị dị tật không hậu môn	- Các báo cáo chuyên môn: + “Một số yếu tố liên quan đến chỉ định của kỹ thuật phẫu thuật nội soi kết hợp phẫu thuật	- Ứng dụng kỹ thuật nội soi kết hợp phẫu thuật mở điều trị dị tật không hậu môn tại Bệnh viện Nhi. - Có báo cáo	- Khám lâm sàng và cận lâm sàng cho 28 bệnh nhân có dị tật không hậu môn để chọn bệnh nhân đủ tiêu chuẩn phẫu thuật nội soi kết hợp	5/2016 11/2017	514,88	400,39	160,39	159	Không

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
	dị tật không hậu môn tại Bệnh viện Nhi Thanh Hóa năm 2016 – 2017”		- Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi kết hợp với phẫu thuật mổ điều trị dị tật không hậu môn cho 30 bệnh nhân	cho 06 bác sỹ và 02 KTV khám lâm sàng và cận lâm sàng cho 100 bệnh nhân có dị tật không hậu môn để chọn bệnh nhân đủ tiêu chuẩn phẫu thuật nội soi kết hợp phẫu thuật mổ mổ điều trị dị tật không hậu môn (thể cao và trung gian). Dự kiến 30 bệnh nhân. - Phẫu thuật nội soi kết hợp phẫu thuật mổ mổ điều trị dị tật không hậu môn cho 30 bệnh nhân - Tổng hợp, xử lý số liệu. - Viết báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên môn: Nghiên cứu xác định một số yếu tố liên quan đến chỉ định của kỹ thuật phẫu thuật nội soi kết hợp phẫu thuật mổ mổ điều trị dị tật hậu môn trực tràng. - Hội thảo khoa học - Xây dựng kế hoạch sử dụng kết	mô mổ điều trị dị tật hậu môn trực tràng” + “Kết quả Ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật nội soi kết hợp với phẫu thuật mổ mổ điều trị dị tật không hậu môn tại Bệnh viện Nhi Thanh Hóa” - Tập bài tham luận hội thảo - Báo cáo tổng kết đề tài - Báo cáo phương án sử dụng kết quả nghiên cứu - Bài báo công bố kết quả nghiên cứu đăng trên tạp chí chuyên ngành - Đĩa DVD	kết quả, tài liệu tập huấn. - Có danh sách 07 bác sỹ và 02 kỹ thuật viên tham gia tập huấn - Có phiếu kết quả khám lâm sàng, cận lâm sàng của 72 bệnh nhân - Có bảng tổng hợp kết quả khám lâm sàng và cận lâm sàng - Danh sách 17 bệnh nhân được phẫu thuật - Sổ theo dõi bệnh nhân trong thời gian điều trị - Bảng tổng hợp, xử lý số liệu.	phẫu thuật mổ mổ điều trị dị tật không hậu môn (thể cao và trung gian). - Phẫu thuật nội soi kết hợp phẫu thuật mổ mổ điều trị dị tật không hậu môn cho 13 bệnh nhân - Tổng hợp, xử lý số liệu. - Viết báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên môn - Nghiên cứu xác định một số yếu tố liên quan đến chỉ định của kỹ thuật phẫu thuật nội soi kết hợp phẫu thuật mổ mổ điều trị dị tật hậu môn trực tràng. - Hội thảo khoa học: - Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu						

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
7.	Đề tài: "Nghiên cứu trồng thử nghiệm cây thiên ngân (Neolamarckia cadamba (Roxb.) Bosser) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa"	Chi cục Lâm nghiệp Thanh Hóa	- Xây dựng được mô hình trồng thử nghiệm 4,5 ha cây Thiên ngân trên địa bàn 03 huyện (mỗi huyện trồng 1,5 ha) đại diện cho 03 vùng sinh thái của tỉnh - Đánh giá được khả năng thích nghi, các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển của cây Thiên ngân tại Thanh Hóa. - Xác định và xây dựng được bản đồ lập địa phù hợp trồng cây Thiên ngân trên địa bàn tỉnh.	- Tổ chức cho cán bộ, đơn vị phối hợp và một số hộ tham gia xây dựng mô hình của Đề tài đi tham quan học tập kinh nghiệm trồng cây Thiên ngân: - Khảo sát lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây Thiên ngân. - Triển khai xây mô hình trồng thử nghiệm cây Thiên ngân - Tập huấn kỹ thuật chọn lập địa, trồng và chăm sóc cây Thiên ngân - Viết báo cáo khuyến nghị về phương án tiếp tục theo dõi, đánh giá hiệu quả trồng cây Thiên ngân. - Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài	- Báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng hợp kết quả đề tài - Báo cáo kết quả thực hiện mô hình trồng thử nghiệm cây Thiên ngân - Báo cáo khuyến nghị về phương án tiếp tục theo dõi, đánh giá hiệu quả trồng cây Thiên ngân đến khi thu hoạch - 01 bài báo đăng trên mục khoa học và công nghệ của Báo Thanh Hóa. - Tập bản đồ lập địa vùng có khả năng trồng cây Thiên ngân tại Thanh	- Tổ chức cho cán bộ, đơn vị phối hợp và một số hộ tham gia xây dựng mô hình đi tham quan học tập kinh nghiệm trồng cây Thiên ngân tại Kim Bôi, Hòa Bình. - Khảo sát lựa chọn địa điểm xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây Thiên ngân. - Tập huấn kỹ thuật chọn lập địa, trồng và chăm sóc cây Thiên ngân cho 40 người. - Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây Thiên ngân tại Thường Xuân, BQL rừng phòng hộ Sim (Như Thanh), BQL rừng phòng hộ Tĩnh Gia (đang theo dõi các chỉ tiêu	- Tiếp tục theo dõi các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của mô hình trồng thử nghiệm cây Thiên ngân tại Huyện Thường Xuân, Ban quản lý rừng phòng hộ Sim (Như Thanh), Ban quản lý rừng phòng hộ Tĩnh Gia. - Viết báo cáo khuyến nghị về phương án tiếp tục theo dõi, đánh giá hiệu quả trồng cây Thiên ngân. - Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài	6/2016 - 12/2018	745,131	618,726	298,726	190	Không

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
					Hóa	KTKT của mô hình)							
8.	Đề tài: "Nghiên cứu tín ngưỡng thờ các vị thần biển, đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị nhằm phát triển bền vững du lịch biển tỉnh Thanh Hóa".	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	-Xác định được tín ngưỡng thờ các vị thần biển có ảnh hưởng lớn tới đời sống của người dân biển Thanh Hóa. - Đề xuất được giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị tín của tín ngưỡng thờ các vị thần biển nhằm phát triển bền vững du lịch biển, bảo vệ chủ quyền biển đảo, môi trường sinh thái biển Thanh Hóa.	-Nghiên cứu những vấn đề lý luận về biển, tín ngưỡng thờ các vị thần biển, du lịch biển, bảo vệ chủ quyền biển đảo, môi trường sinh thái biển. -Nghiên cứu thực trạng về tín ngưỡng và hệ thống các di tích, lễ hội thờ các vị thần biển gắn với đời sống ngư dân, hoạt động du lịch, bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ chủ quyền biển đảo. - Nghiên cứu giá trị của tín ngưỡng thờ các vị thần biển, đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị nhằm phát triển du lịch, bảo vệ chủ quyền quyền biển đảo và bảo vệ môi trường sinh thái biển. - Biên soạn và xuất bản sách chuyên đề: Tín ngưỡng thờ các vị thần biển Thanh Hóa. (sách dày khoảng 250 trang in	-Bảo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài -Bảo cáo tóm tắt thực hiện đề tài -Bảo cáo số liệu điều tra, khảo sát -Bảo cáo kiến nghị về thực hiện các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị nhằm phát triển du lịch, bảo vệ chủ quyền biển đảo và bảo vệ môi trường sinh thái biển Thanh Hóa - Kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu - 200 cuốn sách chuyên khảo - 01 bài báo	-Nghiên cứu những vấn đề lý luận về biển, tín ngưỡng thờ các vị thần biển, du lịch biển, bảo vệ chủ quyền biển đảo, môi trường sinh thái biển. -Nghiên cứu thực trạng về tín ngưỡng và hệ thống các di tích, lễ hội thờ các vị thần biển gắn với đời sống ngư dân, hoạt động du lịch, bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ chủ quyền biển đảo. -Nghiên cứu giá trị của tín ngưỡng thờ các vị	-Biên soạn và xuất bản sách chuyên đề: Tín ngưỡng thờ các vị thần biển Thanh Hóa. -Viết báo cáo kiến nghị thực hiện các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị nhằm phát triển du lịch, bảo vệ chủ quyền quyền biển đảo và bảo vệ môi trường sinh thái biển Thanh Hóa. -Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu. -Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài.	6/2016 - 10/2017	441,6225	437,1225	207,123	140	Không

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
				200 cuốn khổ 14,5 x 20,5) - Viết báo cáo kiến nghị thực hiện các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị nhằm phát triển du lịch, bảo vệ chủ quyền quyền biển đảo và bảo vệ môi trường sinh thái biển Thanh Hóa. - Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu. - Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài.	công bố kết quả đề tài	thần biển, đề xuất giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị nhằm phát triển du lịch, bảo vệ chủ quyền quyền biển đảo và bảo vệ môi trường sinh thái biển Thanh Hóa.							
9.	Đề tài: Nghiên cứu đặc sản ẩm thực Thanh Hóa phục vụ phát triển du lịch	Trường ĐH Văn hóa. Thể thao và du lịch Thanh	- Xác định được đặc sản ẩm thực Thanh Hóa - Đánh giá được thực trạng ẩm thực Thanh Hóa - Xây dựng được cuốn sổ tay về đặc sản ẩm thực Thanh Hóa - Đề xuất được giải pháp khai thác đặc sản ẩm thực Thanh Hóa trong	-Nghiên cứu thực trạng đặc sản ẩm thực Thanh Hóa. -Xác định nguồn gốc, xuất xứ, nguyên liệu chế biến, quy trình chế biến của cách bài trí, đóng gói của đặc sản ẩm thực. -Xây dựng cuốn sổ tay về đặc sản ẩm thực Thanh Hóa. - Bài học kinh nghiệm về xây dựng, khai thác đặc sản ẩm thực	-Bảo cáo tổng hợp kết quả thực trạng đặc sản ẩm thực Thanh Hóa -Bảo cáo chuyên môn: + Thực trạng đặc sản ẩm thực Thanh Hóa. + Giải pháp khai thác đặc sản ẩm thực Thanh Hóa trong hoạt động	-Nghiên cứu thực trạng đặc sản ẩm thực Thanh Hóa. +Thu thập thông tin tại phòng VH TT 27 huyện, thị xã, thành phố + Xây dựng Danh mục 150 đặc sản ẩm thực Thanh Hóa + Thu thập thông tin về đăng ký quyền	-Xây dựng cuốn sổ tay về đặc sản ẩm thực Thanh Hóa +Biên soạn hình ảnh cuốn sổ tay đặc sản ẩm thực Thanh Hóa + In cuốn sổ tay đặc sản ẩm thực Thanh Hóa. - Học tập kinh nghiệm về xây dựng, khai thác đặc sản ẩm thực ở	6/2016-11/2017	683,189	653,189	283,189	240	Không

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
			hoạt động du lịch	ở một số tỉnh trong nước. - Nghiên cứu giải pháp khai thác đặc sản ẩm thực Thanh Hóa trong hoạt động phát triển du lịch. - Hội thảo khoa học. - Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu - Viết báo cáo khoa học tổng hợp đề tài	phát triển du lịch. - Cuốn sổ tay đặc sản ẩm thực Thanh Hóa - Báo cáo tổng kết khoa học đề tài. - Báo cáo phương án sử dụng kết quả nghiên cứu. - Bài báo công bố kết quả nghiên cứu đăng trên tạp chí trong nước.	SHCN; cơ sở sản xuất, thị trường tiêu thụ; các Chương trình, Dự án trong và ngoài nước tập huấn về quảng bá ẩm thực của 150 đặc sản + Tổng hợp số liệu; Báo cáo phân tích, xử lý số liệu thu thập thông tin. + Báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên môn: thực trạng đặc sản ẩm thực Thanh Hóa - Xác định nguồn gốc, xuất xứ, nguyên liệu chế biến, quy trình chế biến của cách bài trí, đóng gói của đặc sản ẩm thực. + Thu thập thông tin về	một số tỉnh trong nước. + Khảo sát, điền dã thực tế tại 3 tỉnh: Quảng Nam, Thừa thiên Huế, Bạc Liêu. + Viết báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên môn: Bài học kinh nghiệm về xây dựng, khai thác đặc sản ẩm thực ở Việt Nam. - Nghiên cứu giải pháp khai thác đặc sản ẩm thực Thanh Hóa trong hoạt động phát triển du lịch. + Viết báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên môn: Giải pháp khai thác đặc sản ẩm thực Thanh Hóa trong hoạt động phát						

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
						nguồn gốc, xuất xứ, nguyên liệu chế biến, quy trình chế biến của cách bài trí, đóng gói của 150 đặc sản ẩm thực. + Tổng hợp số liệu; Báo cáo phân tích, xử lý số liệu thu thập thông tin. -Đã biên soạn nội dung cuốn sổ tay đặc sản ẩm thực Thanh Hóa	triển du lịch. - Hội thảo khoa học: Giải pháp khai thác đặc sản ẩm thực Thanh Hóa trong hoạt động phát triển du lịch. - Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu - Viết báo cáo khoa học tổng hợp đề tài						
10.													
11.	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật nội soi ngoài phúc mạc đặt mảnh ghép nhân tạo điều trị thoát vị	Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Thanh Hóa	-Ứng dụng thành công kỹ thuật phẫu thuật nội soi ngoài phúc mạc đặt mảnh ghép nhân tạo điều trị thoát vị bẹn. -Đánh giá kết quả thuật phẫu thuật nội soi ngoài phúc mạc đặt mảnh ghép nhân tạo	-Ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật nội soi ngoài phúc mạc đặt mảnh ghép nhân tạo điều trị thoát vị bẹn. +Chuyên giao kỹ thuật phẫu thuật nội soi ngoài phúc mạc đặt mảnh ghép nhân tạo điều trị thoát vị bẹn cho 02 bác sỹ phẫu thuật, 02	-Báo cáo chuyên môn: Kết quả ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật nội soi ngoài phúc mạc đặt mảnh ghép nhân tạo điều trị thoát vị bẹn.	-Ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật nội soi ngoài phúc mạc đặt mảnh ghép nhân tạo điều trị thoát vị bẹn. +Chuyên giao kỹ thuật phẫu thuật nội soi ngoài phúc mạc đặt mảnh ghép nhân tạo điều trị thoát vị bẹn.	-Khám lâm sàng và cận lâm sàng. -Phẫu thuật 6 Bệnh nhân. -Theo dõi sau phẫu thuật: Thời gian 1 tháng (14 BN), 3 tháng (21 BN) và 6 tháng (24 BN). -Tổng hợp và xử lý số liệu.	5/2016-10/2017	776,677	447,12	177,120	180	Không

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
	bện tại Bệnh viện Đa Khoa Thanh Hóa năm 2016 – 2017		điều trị thoát vị bẹn cho 50 bệnh nhân.	1. Bác sỹ gây mê, 02 KTV, phụ dụng cụ. + Khám lâm sàng, cận lâm sàng cho 200 bệnh nhân để chọn bệnh nhân đủ tiêu chuẩn phẫu thuật nội soi ngoài phúc mạc đặt mảnh ghép nhân tạo điều trị thoát vị bẹn (dự kiến 50 BN). Phẫu thuật nội soi ngoài phúc mạc đặt mảnh ghép nhân tạo cho 50 bệnh	Kỷ yếu Hội thảo. - Báo cáo tổng kết khoa học đề tài. - Báo cáo phương án sử dụng kết quả nghiên cứu. - Bài báo công bố kết quả nghiên cứu đăng trên tạp chí trong nước. - Đĩa DVD.	bện cho 07 bác sỹ phẫu thuật, 03 bác sỹ gây mê, 02 KTV phụ dụng cụ. + Khám lâm sàng, cận lâm sàng 216 bệnh nhân để chọn bệnh nhân đủ tiêu chuẩn phẫu thuật nội soi ngoài phúc mạc đặt mảnh ghép nhân tạo điều trị thoát vị bẹn (44 BN). + Phẫu thuật nội soi ngoài phúc mạc đặt mảnh ghép nhân tạo cho 44 bệnh nhân (phẫu thuật và theo dõi, chăm sóc 44 bệnh nhân sau phẫu thuật trong thời gian điều trị tại bệnh viện) - Theo dõi sau phẫu thuật: thời gian 1 tháng (36 BN), 3 tháng (29 BN) và 6 tháng (26 BN).	-Viết báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên môn: Kết quả ứng dụng kỹ thuật phẫu thuật nội soi ngoài phúc mạc đặt mảnh ghép nhân tạo điều trị thoát vị bẹn. -Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật phẫu thuật nội soi ngoài phúc mạc đặt mảnh ghép nhân tạo điều trị thoát vị bẹn. -Hội thảo khoa học:. -Xây dựng kế hoạch sử dụng kết quả nghiên cứu. -Viết báo cáo khoa học tổng kết đề tài						

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
									Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
			Mục tiêu	Nội dung									
12.	Ứng dụng đồng bộ tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình trang trại sinh thái tổng hợp trên đất đồi canh tác kém hiệu quả tại huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa	Trung tâm khuyến nông Thanh Hóa	Mục tiêu chung: Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng thành công mô hình trang trại sinh thái tổng hợp trên vùng đất đồi canh tác kém hiệu quả tại huyện Cẩm Thủy, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế từ 30% trở lên so với điều kiện canh tác cũ. Mục tiêu cụ thể: -Xây dựng thành công 02 mô hình trang trại sinh thái tổng hợp có hiệu quả kinh tế từ 30% trở lên so với điều kiện canh tác cũ. + 01 mô hình trồng bưởi Da Xanh, khoai Mán Vàng kết	-Điều tra đánh giá thực trạng sản xuất trên vùng đất đồi tại huyện Cẩm Thủy. Khảo sát lựa chọn địa điểm triển khai xây dựng mô hình. -Đào tạo 10 cán bộ và tập huấn 100 lượt nông dân về: Kỹ thuật trồng bưởi da xanh, trồng xen khoai Mán Vàng, nuôi gà lông màu trên nền đệm lót sinh học kết hợp thả vườn; Kỹ thuật trồng Na dai, trồng xen khoai Mán Vàng, nuôi gà lông màu trên nền đệm lót sinh học kết hợp thả vườn; Kỹ thuật xử lý phân gà, phân gia súc và xác thực vật thành phân hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp. -Xây dựng mô hình trồng bưởi Da Xanh, trồng xen khoai Mán Vàng, nuôi gà lông màu trên nền đệm lót	-Bảo cáo đánh giá thực trạng sản xuất trên vùng đất đồi canh tác kém hiệu quả tại huyện Cẩm Thủy. -01 mô hình trồng bưởi Da xanh, trồng xen khoai Mán Vàng và nuôi gà lông màu trên nền đệm lót sinh học kết hợp thả vườn và 01 mô hình trồng na dai trồng xen khoai Mán Vàng nuôi gà lông màu trên nền đệm lót sinh học và dưới tán vườn, nâng cao hiệu quả kinh tế từ 30% trở lên so với điều kiện canh tác cũ.	-Bảo cáo đánh giá thực trạng sản xuất trên vùng đất đồi tại huyện Cẩm Thủy -10 cán bộ và tập huấn 100 lượt nông dân thành thạo các quy trình kỹ thuật: Kỹ thuật trồng bưởi da xanh, trồng xen khoai Mán Vàng, nuôi gà lông màu trên nền đệm lót sinh học kết hợp thả vườn; Kỹ thuật trồng na dai, trồng xen khoai Mán Vàng, nuôi gà lông màu trên nền đệm lót sinh học kết hợp thả vườn; Kỹ thuật xử lý phân gà, phân gia súc và xác thực vật thành phân hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp. -Xây dựng các bản hướng dẫn kỹ thuật phù hợp	-Xây dựng thành công mô hình trồng bưởi Da Xanh, trồng xen khoai Mán Vàng, nuôi gà lông màu trên nền đệm lót sinh học kết hợp thả vườn; mô hình trồng Na dai, trồng xen khoai Mán Vàng, nuôi gà lông màu trên nền đệm lót sinh học kết hợp thả vườn có hiệu quả kinh tế từ 30% trở lên so với điều kiện canh tác cũ. -Xử lý phân gà, phân gia súc và xác thực vật thành phân hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp. -Xây dựng các bản hướng dẫn kỹ thuật phù hợp	2/2016 - 8/2018	2.098,66	770,725	380,725	235	0

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mức tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mức tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
			hợp nuôi gà lông màu. + 01 mô hình trồng Na dai, khoai Mán Vàng kết hợp nuôi gà lông màu. Hoàn thiện các quy trình kỹ thuật phù hợp điều kiện địa phương.	sinh học kết hợp thả vườn. - Xây dựng mô hình trồng Na dai, trồng xen khoai Mán Vàng, nuôi gà lông màu trên nền đệm lót sinh học kết hợp thả vườn. - Xử lý chất thải trong trang trại (phân gà, phân gia súc và xác thực vật bằng chế phẩm sinh học EMIC) tạo phân bón hữu cơ. - Xây dựng các bản hướng dẫn kỹ thuật phù hợp với địa phương: + Trồng bưởi Da xanh kết hợp trồng xen khoai Mán vàng, nuôi gà lông màu trên nền đệm lót sinh học và dưới tán vườn quy mô trang trại tại huyện Cẩm Thủy. + Trồng Na Dai kết hợp trồng xen khoai Mán vàng, nuôi lông màu trên nền đệm lót sinh học và dưới	-Các bản hướng dẫn kỹ thuật: Trồng bưởi Da xanh kết hợp trồng xen khoai Mán vàng, nuôi gà lông màu trên nền đệm lót sinh học và dưới tán vườn; Trồng Na Dai kết hợp trồng xen khoai Mán vàng, nuôi lông màu trên nền đệm lót sinh học và dưới tán vườn; Xử lý phân hữu cơ từ phân gà, phân gia súc và xác thực vật phục vụ sản xuất nông nghiệp đảm bảo môi trường. -10 cán bộ và 100 lượt nông dân được đào tạo	phân gà, phân gia súc và xác thực vật thành phân hữu cơ -Đang xây dựng các mô hình: +Trồng bưởi Da Xanh, trồng xen khoai Mán Vàng, nuôi gà lông màu trên nền đệm lót sinh học kết hợp thả vườn + Trồng Na dai, trồng xen khoai Mán Vàng, nuôi gà lông màu trên nền đệm lót sinh học kết hợp thả vườn -Đang xử lý chất thải trong trang trại (phân gà, phân gia súc và xác thực vật bằng chế phẩm sinh	với địa phương: +Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật trồng bưởi Da xanh kết hợp trồng xen khoai Mán vàng, nuôi gà lông màu trên nền đệm lót sinh học và dưới tán vườn quy mô trang trại +Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật trồng Na Dai kết hợp trồng xen khoai Mán vàng, nuôi lông màu trên nền đệm lót sinh học và dưới tán vườn - Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật xử lý phân gà, phân gia súc và xác thực vật thành phân bón hữu cơ phục vụ						

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
				tán vườn tại huyện Cẩm Thủy. + Kỹ thuật xử lý phân gà, phân gia súc và xác thực vật thành phân bón hữu cơ phục vụ sản xuất nông nghiệp đảm bảo môi trường. - Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng kết quả dự án. - Báo cáo tổng kết dự án.	tập huấn kỹ thuật. - Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng kết quả dự án. - File điện tử lưu trong USB ghi lại quá trình thực hiện dự án. - Báo cáo khoa học tổng kết dự án.	học EMIC) tạo phân bón hữu cơ, phục vụ sản xuất nông nghiệp.	sản xuất nông nghiệp đảm bảo môi trường. - Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng kết quả dự án. - Báo cáo tổng kết dự án						
13.	Dự án: Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô thực vật nhân nhanh một số giống mía chất lượng cao phục vụ phát triển sản xuất vùng nguyên	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và Phát triển công nghệ sinh học	- Mục tiêu chung: Nhân nhanh các giống mía bằng công nghệ nuôi cấy mô thực vật, cung cấp cho các vùng mía nguyên liệu mía đường trong tỉnh. - Mục tiêu cụ thể: + Hoàn thiện quy trình nhân nhanh một số giống mía bằng công	- Điều tra, khảo sát hiện trạng sản xuất các giống mía tỉnh Thanh Hóa. - Chuẩn bị giống và các điều kiện để phục vụ sản xuất giống. - Triển khai nhân giống giai đoạn Invitro. - Triển khai trồng ruộng giống cấp I, cấp II, cấp III. - Xây dựng mô hình trồng mía thương phẩm. - Hoàn thiện các	- Báo cáo hiện trạng sản xuất các giống mía đường tỉnh Thanh Hóa. - Quy trình nhân giống giai đoạn Invitro ruộng giống cấp I; cấp II; cấp III phù hợp với điều kiện Thanh Hóa. + Ruộng giống cấp I: 2ha; cấp II: 10ha; cấp III:	- Điều tra, khảo sát hiện trạng sản xuất các giống mía của tỉnh tại 02 địa điểm triển khai dự án; Báo cáo hiện trạng sản xuất các giống mía đường. - Chuẩn bị giống và các điều kiện để phục vụ sản xuất giống; - Triển khai nhân giống giai đoạn	- Triển khai trồng ruộng giống cấp cấp II, cấp III và thương phẩm: + Ruộng giống cấp II: 10ha; cấp III: 15ha + Giống mía cấp II: 900 tấn; Giống mía cấp III: 1.350 tấn. + Mô hình trồng mía thương phẩm: 60ha, năng suất tăng 10% trở lên so với	12/2015 - 12/2018	6.031.958	1.394.209	604.209	510	Không

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
	liệu mía đường tỉnh Thanh Hóa		nghe nuôi cấy mô thực vật. +Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc giai đoạn ruộng giống mía cấp I, cấp II, cấp III (từ nuôi cấy mô) phù hợp với điều kiện Thanh Hóa +Xây dựng được cánh đồng ruộng mía thương phẩm (từ nuôi cấy mô) sạch bệnh, có năng suất cao phục vụ cho ngành mía đường tỉnh Thanh Hóa.	quy trình kỹ thuật nhân giống giai đoạn Invitro, trồng và chăm sóc ruộng giống cấp I, cấp II, cấp III và trồng thương phẩm phù hợp với điều kiện của Thanh Hóa. - Tập huấn kỹ thuật trồng mía giống cấp I, cấp II, cấp III cho cán bộ khuyến nông và các hộ nông dân vùng triển khai dự án. -Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng kết quả dự án. -Bảo cáo tổng kết dự án.	15ha Giống mía cấp II: 900 tấn; Giống mía cấp III: 1.350 tấn. + Mô hình trồng mía thương phẩm: 60ha, năng suất tăng 10% trở lên so với sản xuất đại trà tại địa phương -100 nông dân vùng triển khai dự án được tập huấn quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc giống mía cấp I, II, III. -Bảo cáo phương án sử dụng và nhân rộng kết quả dự án. - Đĩa DVD ghi hình lại quá trình triển khai thực hiện dự án. -Bảo cáo khoa học	Invitro: ROC22 (44.000 cây) VĐ-93-159 (35.000 cây) tại phòng thí nghiệm của Trung tâm Nghiên cứu UD&PT CNSH -Triển khai ruộng giống cấp I: 2,26 ha (trong đó ROC 22 là 1,26 ha; VĐ 93-159 là 1,0 ha) tại Trại giống cây trồng Cẩm Thủy. -Hoàn thiện các quy trình kỹ thuật nhân giống giai đoạn Invitro - Tập huấn kỹ thuật trồng mía giống cấp I, cấp II, cấp III và trồng thương phẩm cho 100 cán bộ khuyến nông và các hộ	sản xuất đại trà tại địa phương. -Hoàn thiện các quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc ruộng giống cấp I, cấp II, cấp III và trồng thương phẩm phù hợp với điều kiện của Thanh Hóa. -Bảo cáo phương án sử dụng và nhân rộng kết quả dự án. -Đĩa DVD ghi hình lại quá trình triển khai thực hiện. -Bảo cáo khoa học tổng kết dự án.						

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Kết quả thực hiện bước 1	Kế hoạch tiếp theo và kết quả dự kiến	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)				
			Mục tiêu	Nội dung					Tổng số	SNKH	Đã cấp	Cấp năm 2017	Thu hồi
					Tổng kết dự án.	nông dân vùng dự án.							
												3.604	

III. Nhiệm vụ mới: 08

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2017	Thu hồi
1.	Đề tài: Xây dựng cơ sở dữ liệu Multimedia (cơ sở dữ liệu đa phương tiện) phục vụ hoạt động ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Trung tâm Thông tin Ứng dụng – Chuyển giao Khoa học và Công nghệ Thanh Hóa	Xây dựng được bộ công cụ, hoàn thiện quy trình kỹ thuật và tổ chức sản xuất thành công bộ cơ sở dữ liệu Multimedia về hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2015-2018, góp phần nâng cao ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	- Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng việc tạo lập, lưu trữ, quản lý, ứng dụng, chuyển giao các kết quả nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu giai đoạn 2015-2018 trên địa bàn tỉnh. - Xây dựng bộ công cụ để sản xuất cơ sở dữ liệu Multimedia. - Xây dựng 07 quy trình kỹ thuật để sản xuất cơ sở dữ liệu Multimedia về các nhiệm vụ KHCN năm 2015-2018 - Tổ chức tiếp nhận, chuyển giao công nghệ từ Đài phát thanh truyền hình Thanh Hóa để đào tạo, tập huấn và sản xuất cơ sở dữ liệu Multimedia về các nhiệm vụ KHCN giai đoạn 2015- 2018. - Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài. - Tổng kết đề tài.	- Báo cáo kết quả xây dựng bộ công cụ để sản xuất cơ sở dữ liệu Multimedia. - Báo cáo kết quả xây dựng quy trình kỹ thuật để sản xuất cơ sở dữ liệu Multimedia về các nhiệm vụ KHCN năm 2015-2018 (kèm theo 07 quy trình kỹ thuật) - Báo cáo kết quả tổ chức tiếp nhận, chuyển giao công nghệ từ Đài phát thanh truyền hình Thanh Hóa để đào tạo tập huấn và sản xuất cơ sở dữ liệu Multimedia về các nhiệm vụ KHCN giai đoạn 2015- 2018 (kèm theo hồ sơ của 07 lớp đào tạo tập huấn). - 01 Bộ cơ sở dữ liệu Multimedia gồm 40 video kịch bản KHCN đảm bảo chất lượng phát hành, được hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh thông qua. - Báo cáo kết quả tổ chức 02 hội thảo (kèm theo tài liệu tổ chức hội thảo). - Báo cáo phương án sử dụng	24 tháng	1.966,918	1.966,918	786,918	Không

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2017	Thu hồi
					kết quả đề tài. - 01 bài báo đăng tải trên tạp chí chuyên ngành. - Báo cáo tổng kết đề tài.					
2.	Đề tài: Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm thống kê trực tuyến tỉnh Thanh Hóa.	Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa	<i>Mục tiêu chung:</i> Xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu và công cụ hỗ trợ công tác thống kê trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời; phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. <i>Mục tiêu cụ thể:</i> - Đánh giá được thực trạng công tác thống kê tại các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh hiện nay. - Xây dựng được phần mềm thống kê trực tuyến tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng được quy trình nghiệp vụ thống kê trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (bao gồm cả khung dữ liệu và biểu mẫu).	- Điều tra, đánh giá thực trạng công tác thống kê tại các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố hiện nay. - Thiết kế, xây dựng phần mềm thống kê trực tuyến tỉnh Thanh Hóa - Xây dựng khung cơ sở dữ liệu thống kê và quy trình nghiệp vụ thống kê trực tuyến tỉnh Thanh Hóa - Cập nhật cơ sở dữ liệu mẫu - Xây dựng quy chế quản lý khai thác vận hành, quy trình nghiệp vụ thống kê trực tuyến tỉnh Thanh Hóa - Tổ chức đào tạo, tập huấn hướng dẫn sử dụng, khai thác vận hành phần mềm thống kê trực tuyến cho cán bộ, công chức của 27 Chi cục Thống kê và các sở, ban, ngành. - Xây dựng phương án khai thác và sử dụng kết quả đề tài. - Tổng kết đề tài.	- Báo cáo kết quả điều tra khảo sát đánh giá thực trạng công tác thống kê tại các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố hiện nay. - Báo cáo về hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê của đề tài. - 01 Phần mềm thống kê trực tuyến tỉnh Thanh Hóa gồm đầy đủ các tính năng, đáp ứng được các yêu cầu về nghiệp vụ thống kê trực tuyến trên địa bàn tỉnh. - Quy chế, quản lý, khai thác, vận hành phần mềm thống kê trực tuyến. - Quy trình nghiệp vụ thống kê trực tuyến tỉnh Thanh Hóa. - 01 báo cáo phương án khai thác và sử dụng kết quả của đề tài. - 01 bài báo khoa học được công bố trên tạp chí chuyên ngành. - Báo cáo tổng kết đề tài.	18 tháng	1.609,47	1.473,1	442,1	Không
3.	Dự án: Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ lò đốt rác	Công ty CP Xây dựng và Quản lý Giao	- Hoàn thiện quy trình công nghệ chế tạo lò đốt rác thải sinh hoạt bao gồm: + Nâng cao công suất lò	- Nghiên cứu, phân tích đánh giá thành phần, độ ẩm rác thải sinh hoạt tại huyện Nông Cống và các vùng phụ cận phục vụ lò đốt rác.	- Quy trình chế tạo lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 2000kg/h. - Bản vẽ thiết kế lò đốt rác thải sinh hoạt công suất	18 tháng	4138,08	1598,02	479,02	Không

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2017	Thu hồi
	thải sinh hoạt công suất 2000kg/giờ.	thông Công Chính Nông Công	đốt lên 2000kg/h đáp ứng yêu cầu lò đốt được rác thải sinh hoạt ở nhiều dải độ ẩm khác nhau, độ ẩm tối đa có thể đốt là 50%; Tổ chức khí động học của lò được tối ưu, quá trình lưu khí và cấp không khí (hút khí) hoàn toàn tự nhiên; Cấu trúc tổng thể của lò ít trở lực, duy trì nhiệt độ cao của buồng đốt sơ cấp (từ 500°C - 600°C) và buồng đốt thứ cấp (từ 950°C - 1100°C). + Quy trình nạp rác từ thủ công sang cơ giới hóa. + Thay đổi công nghệ đốt từ đốt hở sang đốt kín. + Thay đổi vật liệu thi công xây dựng vòm lò từ thép chịu nhiệt sang gạch và xi măng chịu nhiệt. + Hoàn thiện hệ thống lấy tro xỉ, hệ thống xử lý khói, khí thải đảm bảo các yêu cầu theo QCVN 61-MT:2016/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt. - Chế tạo, xây dựng được 01 lò đốt rác thải sinh hoạt với các chỉ tiêu: Đốt	Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 2000kg/h từ lò đốt rác công suất 500 kg/h - Hoàn thiện thiết kế lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 2000kg/h. - Tổ chức chế tạo 01 lò đốt rác công suất 2000kg/h tại bãi rác Hồ Mơ, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa. - Tổ chức chạy thử nghiệm và hiệu chỉnh lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 2000kg/h - Xây dựng hướng dẫn sử dụng lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 2000kg/h. - Tập huấn kỹ thuật sử dụng lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 2000kg/h - Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng kết quả dự án - Viết báo cáo tổng kết dự án	2000kg/h. - 01 lò đốt rác thải sinh hoạt với các chỉ tiêu: Đốt được 95% rác thải sinh hoạt, tỷ lệ chất tro đạt 5%; Công suất của lò đốt là 2000kg/h; Hệ thống cấp rác được cơ giới hóa; nhiệt độ buồng đốt thứ cấp từ 950°C - 1100°C; Hệ thống xử lý khói, khí thải theo QCVN 61-MT:2016/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lò đốt chất thải rắn sinh hoạt. - Báo cáo kết quả chạy thử nghiệm - Bản hướng dẫn kỹ thuật sử dụng lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 2000kg/h. - Báo cáo phương án sử dụng và nhân rộng kết quả.					

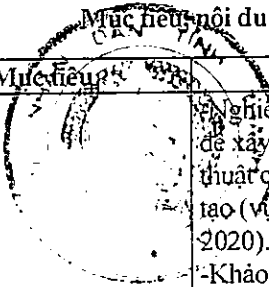
TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2017	Thu hồi
			được 95% rác thải sinh hoạt, tỷ lệ chất trở đạt 5%; Công suất của lò đốt là 2000kg/h; Hệ thống cấp rác được cơ giới hóa; nhiệt độ buồng đốt thứ cấp từ 950°C - 1100°C; Hệ thống xử lý khói, khí thải theo QCVN 61-MT:2016/BTNMT.							
4.	Đề tài: Ứng dụng kỹ thuật lâm sinh tác động, phát triển rừng tự nhiên là rừng sản xuất có đa cây mục đích, sinh khối nghèo thành rừng có sinh khối giàu đáp ứng nhu cầu kinh doanh gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Chi cục Kiểm lâm Thanh Hóa	<i>Mục tiêu chung:</i> Nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để tác động vào rừng tự nhiên phục hồi sau khoanh nuôi tái sinh (KNTS) là rừng sản xuất nhằm hỗ trợ sinh trưởng, tăng sinh khối, thúc đẩy phát triển cây tái sinh mục đích, nâng cao sản lượng để kinh doanh gỗ lớn có giá trị kinh tế cao trên một đơn vị diện tích góp phần tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, phát triển Lâm nghiệp bền vững. <i>Mục tiêu cụ thể:</i> -Đánh giá chi tiết được hiện trạng rừng tự nhiên phục hồi sau khoanh nuôi tái sinh (KNTS) là rừng sản xuất trên các điều kiện lập địa núi đất tại địa bàn 11 huyện miền núi, tỉnh Thanh	1. Điều tra, đánh giá chi tiết hiện trạng rừng tự nhiên phục hồi sau khoanh nuôi tái sinh là rừng sản xuất trên 3 điều kiện lập địa núi đất tại địa bàn 11 huyện miền núi, tỉnh Thanh Hóa. -Mở 77 km tuyến điều tra trên 50.365,1 ha diện tích cần điều tra để điều tra đặc điểm lâm học, điều tra tái sinh -Giám định tên 10 loài cây rừng chưa có tên trong danh lục (<i>Dự kiến</i>). -Xây dựng Báo cáo danh mục các loài cây gỗ tái sinh bản địa, cây mục đích có giá trị kinh tế, phù hợp với mục tiêu kinh doanh gỗ lớn và điển hình, đặc thù của 11 huyện làm cơ sở phát triển, xây dựng mô hình thí điểm kinh doanh rừng gỗ lớn. - Xây dựng báo cáo đánh giá chi tiết hiện trạng rừng tự nhiên phục hồi sau KNTS là rừng sản xuất trên điều kiện lập địa núi đất tại địa bàn 11 huyện miền núi của tỉnh.	-Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ. - báo cáo đánh giá chi tiết hiện trạng rừng tự nhiên phục hồi sau KNTS là rừng sản xuất trên điều kiện lập địa núi đất tại địa bàn 11 huyện miền núi, tỉnh Thanh Hóa. -01 Bản đồ cấp tỉnh hiện trạng rừng tự nhiên phục hồi sau KNTS là rừng sản xuất sinh khối nghèo trên 3 kiểu địa hình lập địa núi đất cấp tỉnh, tỷ lệ 1/100.000 -11 Bản đồ VN 2000 cấp huyện, tỷ lệ 1/25.000 về hiện trạng rừng tự nhiên KNTS là rừng sản xuất sinh khối nghèo trên lập địa núi đất. -Báo cáo danh mục các loài cây gỗ tái sinh bản địa, cây mục đích có giá trị kinh tế, phù hợp với mục tiêu kinh doanh gỗ lớn và điển hình, đặc thù của 11 huyện miền núi. -Báo cáo kết quả lựa chọn các	36 tháng	2.206,73	1.735,5	520,5	Không

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu/nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2017	Thu hồi
			Hóa. -Xác định được danh mục các loài cây gỗ tái sinh tự nhiên mục đích, điển hình, đặc trưng cho 3 hệ sinh thái rừng tự nhiên trên vùng đồi, núi đất thấp, núi đất trung bình của tỉnh. -Đề xuất biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp nhằm tác động nâng cao trữ lượng, sinh khối và tổ thành loài cây chi thị, điển hình, đặc trưng phù hợp cho 3 hệ sinh thái rừng đã lựa chọn. -Xây dựng được 3 mô hình ứng dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh tác động trên 3 loại trạng thái rừng (rừng tự nhiên phục hồi sau KNTS là rừng sản xuất trên điều kiện lập địa vùng đồi, núi đất thấp, núi đất trung bình).	Lập bản đồ phân bố, hiện trạng rừng tự nhiên KNTS là rừng sản xuất sinh khối nghèo, có đa cây mục đích: 2.Lựa chọn biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp nhằm tác động nâng cao trữ lượng, sinh khối rừng và điều chỉnh tổ thành loài cây chi thị, điển hình, phù hợp ở các huyện được lựa chọn. -Điều tra, xác định cấu trúc, tổ thành rừng lâm cơ sở định hướng giải pháp kỹ thuật lâm sinh tác động chuyển hóa rừng theo hướng kinh doanh gỗ lớn. -Điều tra, phỏng vấn, thu thập thông tin về cơ cấu cây trồng lâm nghiệp, điều kiện chăm sóc, tình hình sinh trưởng, phát triển, khả năng tái sinh, các biện pháp kỹ thuật lâm sinh đang được áp dụng trên địa bàn 11 huyện miền núi: -Hội thảo khoa học: Cơ sở khoa học lựa chọn các biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp cho từng đối tượng rừng cụ thể để tác động nâng cao trữ lượng, sinh khối rừng và điều chỉnh tổ thành loài cây chi thị, điển hình -Xây dựng Báo cáo kết quả lựa chọn các biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp cho từng đối tượng rừng cụ thể để tác động nâng cao trữ lượng, sinh khối rừng và điều chỉnh tổ thành loài cây chi thị, điển hình, phù hợp ở các	biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp cho từng đối tượng rừng cụ thể để tác động nâng cao trữ lượng, sinh khối rừng và điều chỉnh tổ thành loài cây chi thị, điển hình, phù hợp ở các huyện được lựa chọn. -Quy trình thực hiện một số biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp để tác động, tu bổ, phát triển rừng tự nhiên phục hồi sau KNTS là rừng sản xuất theo hướng kinh doanh gỗ lớn trên 3 kiểu địa hình núi đất đặc thù của tỉnh. - 01 bài báo đăng trên tạp chí KH&CN chuyên ngành					

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2017	Thu hồi
				huyền được lựa chọn 3. Xây dựng mô hình thử nghiệm các biện pháp kỹ thuật lâm sinh tác động nâng cao sinh khối, chất lượng rừng. - Điều tra 30 phẫu diện đất của 6 huyện triển khai mô hình (5 phẫu diện/huyện) để xác định đặc điểm đất: - Tập huấn cho cán bộ tham gia thực hiện đề tài, chủ rừng tham gia thực hiện mô hình và cán bộ phụ trách lâm nghiệp của các xã, huyện. - Xây dựng 03 mô hình thử nghiệm với quy mô 18 ha (6 ha/mô hình) tại địa bàn 6 huyện Thạch Thành, Như Thanh, Như Xuân, Cẩm Thủy, Lang Chánh, Quan Sơn (mỗi huyện 3ha). - Lựa chọn cơ cấu loài cây rừng đa mục đích phục vụ công tác điều chỉnh mật độ trồng bổ sung: - Xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện mô hình đến thời điểm nghiệm thu đề tài. 4. Xây dựng quy trình thực hiện một số biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp để tác động, tu bổ, phát triển rừng tự nhiên phục hồi sau KNTS là rừng sản xuất theo hướng kinh doanh gỗ lớn trên 3 kiểu địa hình núi đất đặc thù của tỉnh. 5. Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài.						

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2017	Thu hồi
				6. Viết báo cáo tổng kết, nghiệm thu đề tài.						
5.	Dự án: Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất thực phẩm theo hướng VietGap gắn với giáo dục dạy nghề tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa	Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa	<i>Mục tiêu chung:</i> Xây dựng thành công mô hình sản xuất thực phẩm theo hướng VietGAP gắn với giáo dục dạy nghề cho các học viên tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa giúp họ hòa nhập cộng đồng sau cai nghiện. <i>Mục tiêu cụ thể:</i> -Xây dựng thành công mô hình sản xuất rau theo hướng VietGAP, mô hình nuôi thủy sản, mô hình chăn nuôi tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa -Đào tạo nghề được 150 học viên tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa	-Khảo sát, đánh giá chất lượng đất, nước vùng triển khai dự án, thiết kế các mô hình dự án. -Triển khai xây dựng các mô hình dự án: +Mô hình sản xuất rau theo hướng VietGAP (cà chua, cải bắp, bí xanh, khoai tây): 3 ha +Mô hình nuôi thủy sản (cá rô phi đơn tính): 8 ha +Mô hình chăn nuôi: nuôi lợn (10 lợn nái sinh sản); nuôi gà (30 con gà hậu bị bố mẹ) -Đào tạo, tập huấn: +Đào tạo được 15 kỹ thuật viên là cán bộ của Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 +Tập huấn 3 lớp (50 người/ lớp) cho các học viên của Cơ sở cai nghiện ma túy số 1. Nội dung: Kỹ thuật sản xuất rau theo hướng VietGAP (cà chua, cải bắp, bí xanh, khoai tây); Kỹ thuật nuôi cá rô phi đơn tính, kỹ thuật chăn nuôi lợn, gà. -Xây dựng các bản hướng dẫn kỹ thuật phù hợp với điều kiện của Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 -Tổ chức các hội nghị đầu bờ, hội thảo khoa học đánh giá hiệu quả các mô hình -Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng kết quả dự án -Báo cáo tổng kết dự án	-01 mô hình sản xuất rau theo hướng VietGAP quy mô 3 ha; 01 mô hình nuôi thủy sản (cá rô phi đơn tính) quy mô 8 ha; 01 mô hình chăn nuôi lợn quy mô: 10 lợn nái sinh sản, 200 lợn con/năm; 01 mô hình chăn nuôi gà quy mô: 30 gà hậu bị bố mẹ, 1200 con gà thương phẩm/năm. -07 Bản hướng dẫn kỹ thuật cho các đối tượng của dự án phù hợp với điều kiện Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa; -15 cán bộ kỹ thuật được đào tạo nắm vững quy trình kỹ thuật, 150 học viên được tập huấn kỹ thuật; - Phương án sử dụng kết quả và nhân rộng mô hình dự án; - 01 File điện tử lưu vào USB ghi lại quá trình triển khai thực hiện dự án - Báo cáo tổng kết dự án.	24 tháng	4.084,656	1.337,569	401,569	Không

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2017	Thu hồi
6.	Đề tài: Nghiên cứu chọn tạo giống lúa thuần có khả năng chịu mặn, năng suất, chất lượng khá, thích ứng với biến đổi khí hậu tại Thanh Hóa	Trường Đại học Hồng Đức	<i>Mục tiêu chung:</i> Chọn tạo được giống lúa thuần có khả năng chịu mặn ≥ 4 ‰, năng suất, chất lượng khá và thích ứng với tình trạng xâm nhập mặn và biến đổi khí hậu tại Thanh Hóa <i>Mục tiêu cụ thể:</i> -Chọn tạo được 01 giống lúa thuần có khả năng chịu mặn ≥ 4 ‰, năng suất trung bình đạt > 6.0 tấn/ha/năm, chất lượng gạo khá, được khảo nghiệm DUS và đăng ký bảo hộ giống. - Xây dựng được bản hướng dẫn kỹ thuật cho giống lúa thuần chịu mặn mới chọn tạo được.	Thu thập vật liệu khởi đầu và đánh giá nguồn vật liệu chịu mặn được thu thập tại một số vùng đồng bằng Sông Hồng và khu vực Bắc Trung Bộ (kế thừa kết quả nghiên cứu của Viện Di truyền Nông nghiệp và Trường Đại học Hồng Đức) -Xác định chỉ thị phân tử đa hình liên kết gen chịu mặn và không liên kết trên toàn bộ hệ gen giống bố mẹ (kế thừa kết quả nghiên cứu của Viện Di truyền Nông nghiệp và Trường ĐH Hồng Đức) -Lai đơn và lai trở lại giữa các cặp bố mẹ mang gen phục vụ nghiên cứu chọn tạo giống lúa chịu mặn (kế thừa kết quả nghiên cứu của Viện Di truyền Nông nghiệp và Trường ĐH Hồng Đức) -Sử dụng chỉ thị phân tử ADN liên kết gen đích (chịu mặn) và chọn lọc cá thể mang gen chịu mặn trong các quần thể thế hệ lai hữu tính, lai hồi giao. -Sử dụng chỉ thị phân tử ADN không liên kết gen đích trên toàn bộ hệ gen để xác định nền di truyền của giống gốc trong các quần thể chọn tạo giống. -Chọn lọc dòng thuần và nhân dòng G0 (300 dòng), G1 (150 dòng), G2 (50 dòng) mang gen chịu mặn (vụ Xuân 2018, vụ Mùa 2018 và vụ Xuân 2019).	-01 Giống lúa chịu mặn ≥ 4 ‰ được bảo hộ giống; Năng suất trung bình đạt > 6,0 tấn/ha/năm; Chất lượng khá: hàm lượng amylose $\leq 22\%$. -Bản hướng dẫn kỹ thuật cho giống lúa mới chọn tạo. -Báo cáo phương án sử dụng kết quả. -Báo cáo khoa học tổng kết đề tài. -01 File điện tử lưu trong USB ghi hình quá trình triển khai đề tài. -Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành.	36 tháng	1.499,11	1.499,11	449,11	Không

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2017	Thu hồi
				 - Nghiên cứu kỹ thuật canh tác để xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật cho giống lúa mới chọn tạo (vụ Mùa 2019 và vụ Xuân 2020). - Khảo nghiệm DUS và đăng ký bảo hộ giống lúa mới chọn tạo có khả năng chịu mặn, năng suất và chất lượng khá (vụ Mùa 2019 và vụ Xuân 2020). - Tổ chức hội thảo khoa học về kết quả nghiên cứu của đề tài - Xây dựng phương án sử dụng kết quả đề tài - Báo cáo tổng kết, nghiệm thu kết quả đề tài						
7.	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình trang trại tổng hợp phát triển bền vững tại xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa	Công ty TNHH xây dựng Quyền Anh	<i>Mục tiêu chung:</i> Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng thành công mô hình trang trại tổng hợp (trồng thâm canh Cam Vân du; trồng thâm canh Bưởi đào Thạch Thành; nuôi lợn Móng Cái sinh sản; Gà ri lai sinh sản) tăng hiệu quả kinh tế từ 30% trở lên so với điều kiện canh tác cũ tại huyện Thạch Thành. <i>Mục tiêu cụ thể:</i> Xây dựng thành công mô hình trang trại tổng hợp, tăng hiệu quả kinh tế từ 30% trở lên so với điều kiện canh tác cũ; + Trồng thâm canh Cam	- Điều tra, đánh giá thực trạng, hiệu quả sản xuất của các trang trại tại huyện Thạch Thành. - Đào tạo được 5 cán bộ khuyến nông và 200 hộ nông dân thành thạo các quy trình kỹ thuật + Kỹ thuật trồng thâm Canh Vân du xen ổi; Kỹ thuật trồng thâm canh Bưởi đào Thạch Thành xen ổi; + Kỹ thuật Nuôi lợn Móng Cái sinh sản. + Kỹ thuật nuôi gà ri lai sinh sản. - Xây dựng mô hình trang trại tổng hợp, qui mô 4 ha, gồm: - Trồng thâm canh Cam Vân du xen ổi có tưới bán tự động, quy mô 02 ha; - Trồng thâm canh Bưởi đào	- Báo cáo thực trạng và hiệu quả sản xuất của các trang trại tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá; - Mô hình trang trại tổng hợp quy mô 4ha (2 ha Cam Vân du xen Ổi, 2ha Bưởi đào Thạch Thành xen Ổi, 10 lợn nái Móng Cái, 50 gà ri lai sinh sản), hiệu quả kinh tế từ 30% trở lên so với điều kiện canh tác cũ; Sản phẩm mô hình của dự án: 14 tấn lợn thịt thương phẩm; 1,2 tấn gà ri lai thương phẩm; quả ổi: 20 tấn, đạt tiêu chuẩn sản phẩm an toàn. - 5 cán bộ khuyến nông và 200 hộ nông dân thành thạo các quy trình kỹ thuật. - Báo cáo phương án sử dụng	30 tháng	4.299,34	1.240,66	372,66	Không

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2017	Thu hồi
			Vấn đề có liên đới quy mô 02ha, tưới bán tự động; + Trồng thâm canh Bưởi đào Thạch Thành xen đối quy mô 02 ha, tưới bán tự động; + Nuôi lợn Móng Cái sinh sản; + Nuôi gà ri lai sinh sản. - Đào tạo 5 cán bộ khuyến nông và 200 hộ nông dân thành thạo các quy trình kỹ thuật - Xây dựng phương án nhân rộng kết quả mô hình dự án.	Thạch Thành xen đối có tưới bán tự động, quy mô 02 ha. - Nuôi lợn Móng Cái sinh sản - Nuôi gà ri lai sinh sản. - Theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của ác mô hình - Xây dựng phương án sử dụng và nhân rộng kết quả dự án. - Báo cáo tổng kết dự án.	và nhân rộng kết quả dự án. - File điện tử lưu trong USB ghi lại quá trình triển khai thực hiện dự án. - Báo cáo khoa học tổng kết dự án.					
8.	Thử nghiệm, lựa chọn bộ thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu, bệnh hại chính phục vụ sản xuất rau an toàn tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Chi cục Bảo vệ thực vật Thanh Hóa	<i>Mục tiêu chung:</i> Lựa chọn được bộ thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học phòng trừ hiệu quả sâu hại chính, bệnh hại chính phục vụ cho sản xuất rau an toàn tập trung trên địa bàn tỉnh. <i>Mục tiêu cụ thể:</i> - Lựa chọn được bộ thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học phòng trừ hiệu quả sâu hại chính, bệnh hại chính, trên 03 nhóm: rau ăn lá; ăn củ và rau ăn quả tại vùng sản xuất rau an toàn, tập trung của tỉnh. - Xây dựng được 03 bản hướng dẫn kỹ thuật sử	- Điều tra bổ sung về thực trạng sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học ở 3 huyện (Lang Chánh, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa) - Lựa chọn bộ thuốc Bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu bệnh hại chính cho nhóm rau ăn lá, nhóm rau ăn củ và nhóm rau ăn quả + Tổng hợp danh mục bộ thuốc Bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học được phép sử dụng ở Việt nam + Báo cáo đánh giá, phân tích lựa chọn bộ thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu bệnh hại chính cho nhóm rau ăn lá, nhóm rau ăn củ và nhóm rau ăn quả cho vùng rau	- Báo cáo bổ sung về thực trạng sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học ở 03 huyện (Lang Chánh, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa); - Báo cáo kết quả khảo sát lựa địa điểm xây dựng mô hình; - Báo cáo đánh giá, phân tích lựa chọn bộ thuốc Bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu, bệnh hại chính cho nhóm rau ăn lá; nhóm rau ăn củ và nhóm rau ăn quả cho vùng rau an toàn tập trung tỉnh Thanh Hóa; - 10 cán bộ kỹ thuật được cấp giấy chứng nhận và 200 lượt nông dân vùng sản xuất rau thành thạo kỹ thuật sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có	24 tháng	1.255,8	797,31	239,31	Không

TT	Tên nhiệm vụ KHCN	Tổ chức chủ trì	Mục tiêu, nội dung chính		Dự kiến kết quả đạt được	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)			
			Mục tiêu	Nội dung			Tổng số	SNKH	Cấp năm 2017	Thu hồi
			dùng bộ thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu, bệnh hại chính cho nhóm rau ăn lá, nhóm rau ăn củ và nhóm rau ăn quả.	an toàn tập trung trong tỉnh. + Tổ chức Hội thảo về bộ thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu, bệnh hại chính trên các loại rau ăn lá, rau ăn củ, rau ăn quả lựa chọn sử dụng trong mô hình của dự án - Xây dựng 03 mô hình sản xuất rau an toàn sử dụng các loại thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh có nguồn gốc sinh học trên 03 nhóm rau chính: rau ăn lá, ăn củ và rau ăn quả tại vùng sản xuất rau an toàn tập trung, qui mô 0,5 ha/ huyện x 3 huyện tại vùng đồng bằng, ven biển và miền núi Theo dõi, thu thập, đánh giá các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của các mô hình - Đào tạo 10 cán bộ kỹ thuật được cấp giấy chứng nhận và tập huấn 200 lượt nông dân vùng sản xuất rau về kỹ thuật sử dụng các thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học. - Xây dựng Bản hướng dẫn kỹ thuật sử dụng Bộ thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu bệnh hại chính cho nhóm rau ăn lá, nhóm rau ăn củ và nhóm rau ăn quả. - Xây dựng phương án triển khai, nhân rộng kết quả dự án.	nguồn gốc sinh học; - 03 mô hình sản xuất rau an toàn sử dụng bộ thuốc bảo vệ thực vật nguồn gốc sinh học đạt tiêu chuẩn rau an toàn, quy mô 0,5ha/huyện x 3 huyện x 4 vụ = 6 ha; Sản phẩm: Rau ăn lá 40 tấn; Rau ăn quả 36 tấn; Rau ăn củ 40 tấn; - Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường của các mô hình của dự án; - 03 bản hướng dẫn kỹ thuật sử dụng bộ thuốc bảo vệ thực vật lựa chọn có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu, bệnh hại chính cho nhóm rau ăn lá, rau ăn củ và rau ăn quả (được Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa ban hành); - 01 USB lưu video ghi hình lại quá trình thực hiện dự án.					
Cộng									3.691,187	